

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐHNN-ĐHQGHN

Ngày thi: 29/7/2017 tại Trường ĐHNN

STT	Số Báo danh	MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	Khóa/Ngành	Khoa	Điểm		Điểm Viết (thang điểm 10)	Điểm Nói (thang điểm 10)	Kết quả tổng hợp (thang điểm 10)	Kết quả theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	Đạt trình độ theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	Đạt trình độ theo Khung Tham chiếu Năng lực Ngoại ngữ
								Đọc (thang điểm 10)	Nghe (thang điểm 10)						
1	400059	14040101	Nguyễn Thị Ngọc Bích	20.04.1996	Nữ	QH2014.F.J3	NN&VH Nhật	6,0	5,5	5,0	4,5	5,25	5,5	3	B1
2	400062	12041212	Dương Thị Bình	28.03.1990	Nữ	QH2012.F.C	NN&VH Trung Quốc	4,0	5,0	3,5	4,0	4,13	4,0	3	B1
3	400115	13040109	Lưu Thị Dung	19.02.1994	Nữ	QH2013.F.R	NN&VH Nga	5,5	4,5	2,5	5,0	4,38	4,5	3	B1
4	400391	14041340	Hân Thị Mai	25.02.1995	Nữ	QH2014.F.C	NN&VH Trung Quốc	3,5	4,5	4,5	4,5	4,25	4,5	3	B1
5	400394	13041348	Nguyễn Thị Thanh Mai	05.08.1995	Nữ	QH2013.F.F	NN&VH Pháp	7,0	5,5	4,5	5,0	5,50	5,5	3	B1
6	400586	14040732	Đặng Thị Thản	24.07.1996	Nữ	QH2014.F.R3	NN&VH Nga	4,0	4,5	3,5	3,0	3,75	4,0	3	B1
7	400280	13040930	Nguyễn Thị Thu Hương	05.10.1995	Nữ	QH2013.F.F.DL1	NN&VH Pháp	7,5	5,0	5,5	6,5	6,13	6,0	4	B2
8	400316	14041036	Phạm Tùng Lâm	24.09.1996	Nam	QH2014.F.F	NN&VH Pháp	6,5	7,0	5,5	7,0	6,50	6,5	4	B2
9	400027	13041166	Nguyễn Thị Thúy Anh	11.11.1995	Nữ	QH2013.F.F4	NN&VH Pháp	4,0	3,5	1,5	4,0	3,25	3,5	Không đạt	Không đạt
10	400078	13041073	Phạm Thảo Chi	13.06.1995	Nữ	QH2013.F.R	NN&VH Nga	3,0	3,5	5,0	3,0	3,63	3,5	Không đạt	Không đạt
11	400600	12041236	Vũ Trung Thành	23.10.1992	Nam	QH2012.F.C	NN&VH Trung Quốc	4,5	3,5	2,0	2,0	3,00	3,0	Không đạt	Không đạt
12	400384	13041074	Nguyễn Nguyễn Thảo Ly	10.06.1995	Nữ	QH2013.F.R	NN&VH Nga	3,5	3,5	1,0				Không xét	Không xét

STT	Số Báo danh	MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	Khóa/Ngành	Khoa	Điểm		Điểm Viết (thang điểm 10)	Điểm Nói (thang điểm 10)	Kết quả tổng hợp (thang điểm 10)	Kết quả theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	Đạt trình độ theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	Đạt trình độ theo Khung Tham chiếu Năng lực Ngoại ngữ
								Đọc (thang điểm 10)	Nghe (thang điểm 10)						
13	400684	14041204	Chu Thị Thu Trang	25.09.1996	Nữ	QH2014.F.C	NN&VH Trung Quốc	5,5	3,5	1,0				Không xét	Không xét

Tổng số thí sinh dự thi: 13
Đạt B2 2
Đạt B1 6
Không đạt 3
Không xét 2

Người vào điểm: Tạ Thị Bích Liên
Người kiểm tra: Nguyễn Thị Kim Thoa

Giám đốc Trung tâm Khảo thí

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

Đỗ Tuấn Minh

67	400554	1,4E+07	Hoàng Như Quỳnh	30.11.1996	Nữ	QH2014.F.R3	NN&VH Nga	4,5	3,0	3,5	4,0	3,75	4,0	3	B1
Sinh viên của ĐHNN nhưng bị nhầm sang KHXH Nhân văn. Đã xử lý															

Không thi

STT	Số Báo danh	MSSV	Họ và Tên	Năm sinh	Giới tính	Khóa/Ngành	Khoa	Điểm		Điểm Viết (thang điểm 10)	Điểm Nói (thang điểm 10)	Kết quả tổng hợp (thang điểm 10)	Kết quả theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	Đạt trình độ theo Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	Đạt trình độ theo Khung Tham chiếu Năng lực Ngoại ngữ
								Đọc (thang điểm 10)	Nghe (thang điểm 10)						
1	400401	13040469	Trần Thị Khánh Mi	29.07.1994	Nữ	QH2013.F.C	NN&VH Trung Quốc							Không xét	Không xét

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú